

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 65 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 83/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người (sau đây gọi tắt là Công ước chống tra tấn);

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi: Đề án được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn quốc.
2. Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.
3. Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, hiểu biết của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung Công ước và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn; giáo dục, bồi dưỡng nâng cao ý thức tôn trọng và chấp hành Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.
4. Nội dung tuyên truyền, phổ biến
 - a) Nội dung cơ bản của Công ước chống tra tấn; các văn bản về việc phê chuẩn, triển khai thực hiện Công ước;
 - b) Quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn, bao gồm:

- Các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhất là các quyền, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến phòng, chống tra tấn;

- Các quyền của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; các tội danh được quy định trong Bộ luật hình sự liên quan đến các hành vi tra tấn; các quy định của Bộ luật dân sự, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật khiếu nại, Luật tố cáo để bảo đảm thực hiện tốt hơn các quyền con người và phù hợp với yêu cầu của Công ước chống tra tấn;

- Nội dung cơ bản của Luật thi hành án hình sự, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật xử lý vi phạm hành chính, các quy định pháp luật về đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức bảo đảm tôn trọng quyền con người khi thi hành công vụ liên quan đến phòng, chống tra tấn;

- Các quy định pháp luật về bạo lực tại nơi làm việc, bạo lực giới, bạo lực gia đình, bạo lực với trẻ em và các đối tượng yếu thế phù hợp với Điều 16 của Công ước chống tra tấn;

- Các quy định, chính sách dự kiến sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ban hành mới trong quá trình hoàn thiện thể chế, chính sách về phòng, chống tra tấn;

c) Các hành vi tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người; các biện pháp nghiệp vụ mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được áp dụng trong quá trình tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các quy định có liên quan;

d) Tình hình phòng ngừa, đấu tranh, xử lý của các cơ quan nhà nước đối với hành vi tra tấn, đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người.

5. Hình thức tuyên truyền, phổ biến

a) Biên soạn, phát hành và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Bộ tài liệu tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước chống tra tấn và các quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm pháp luật về phòng, chống tra tấn và nội dung Công ước chống tra tấn cho đội ngũ Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân;

c) Tuyên truyền, phổ biến trực tiếp, tư vấn, hướng dẫn, khai thác từ sách pháp luật, tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tra tấn;

d) Tuyên truyền, phổ biến thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở;

đ) Thực hiện thông tin, phổ biến thông qua hoạt động đối ngoại của các cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

6. Biện pháp thực hiện

a) Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng chống tra tấn và Công ước chống tra tấn phải được tiến hành thường xuyên, liên tục gắn với việc triển khai có hiệu quả pháp luật tố tụng hình sự và các văn bản có liên quan;

b) Lồng ghép triển khai Đề án với triển khai các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật; gắn với triển khai tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành;

c) Lồng ghép, tích hợp các quy định pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn và nội dung Công ước chống tra tấn trong nội dung, chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo các chức danh tư pháp và các nhà trường;

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn.

7. Phân công thực hiện

a) Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện Đề án;

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Đề án trong phạm vi cả nước;

- Tổ chức biên soạn Bộ tài liệu tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước chống tra tấn và quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn (hoàn thành trong Quý I năm 2018);

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến theo nội dung, hình thức quy định tại khoản 4 và 5 Điều này phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn;

- Khen thưởng, xử lý vi phạm; sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm.

b) Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp biên soạn Bộ tài liệu tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước chống tra tấn và quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn; tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn theo đề án tuyên truyền riêng của Bộ Công an;

c) Bộ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện Đề án do các bộ, ngành đề xuất, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

d) Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí lựa chọn các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này để đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến đến các tầng lớp Nhân dân bằng các hình thức thích hợp;

đ) Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; tổng hợp kết quả thực hiện Đề án trong báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm gửi về Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

- Lựa chọn nội dung, hình thức quy định tại khoản 4 và 5 Điều này để tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trong quá trình triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi quản lý;

- Bảo đảm kinh phí cho việc triển khai thực hiện Đề án tại bộ, ngành, địa phương theo quy định pháp luật hiện hành;

e) Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc lựa chọn nội dung, hình thức quy định tại khoản 4 và 5 Điều này để tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, chú trọng tuyên truyền, phổ biến thông qua các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

g) Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị trực thuộc lựa chọn nội dung, hình thức quy định tại khoản 4 và 5 Điều này để tuyên truyền, phổ biến cho thành viên, hội viên của tổ chức mình và Nhân dân; vận động nhân dân tìm hiểu, nâng cao hiểu biết về nội dung cơ bản của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình; tăng cường giám sát việc thực hiện Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn để phát hiện các hành vi vi phạm, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý đấu tranh phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tra tấn;

h) Đề nghị Liên đoàn luật sư Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn Đoàn luật sư các địa phương, các tổ chức hành nghề luật sư và luật sư lựa chọn nội dung, hình thức quy định tại khoản 4 và 5 Điều này để tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân trong quá trình triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

8. Kinh phí thực hiện

a) Ngân sách Trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện các hoạt động của Đề án do các cơ quan, tổ chức ở Trung ương chủ trì thực hiện. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các hoạt động của Đề án do các cơ quan, tổ chức ở địa phương chủ trì thực hiện;

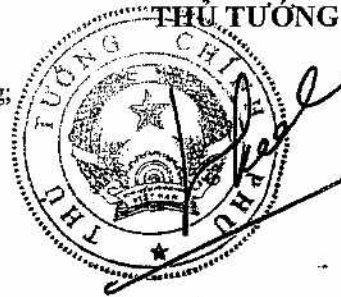
b) Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ của Đề án ở các cấp, căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch thực hiện Đề án hằng năm lập dự toán thực hiện các nhiệm vụ của Đề án tổng hợp chung trong dự toán của cơ quan, tổ chức gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí vào dự toán ngân sách hằng năm để bảo đảm triển khai thực hiện. Các cơ quan, tổ chức được huy động kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo tinh thần xã hội hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các Trợ lý TTg, Công TTĐT, các Vụ: TH, NC, PL;
- Lưu: VT, QHQT (3b). 180



Nguyễn Xuân Phúc